

QUY CHẾ

Thi đua, khen thưởng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 129 /QĐ-CĐSPТУ ngày 31 tháng 3 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này cụ thể hóa các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, áp dụng trong Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương gồm: Đối tượng, nội dung thi đua, các danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; đối tượng khen thưởng, các hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng và thủ tục trao tặng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quyền và nghĩa vụ cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; hành vi vi phạm và xử lý hành vi vi phạm, khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua

a) Tập thể: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

b) Cá nhân: Viên chức, lao động hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên do Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương kí kết hợp đồng.

2. Đối tượng khen thưởng

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Các tổ chức đoàn thể.

c) Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có đóng góp, hỗ trợ cho sự phát triển của Nhà trường.

Điều 3. Nguyên tắc và căn cứ xét thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

a) Tự nguyện, tự giác, công khai.

b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

c) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua. Chỉ xét thi đua với các cá nhân và tập thể có đăng ký thi đua đầu năm học.

d) Việc bình xét, công nhận danh hiệu thi đua phải căn cứ vào kết quả xếp loại

chất lượng viên chức, người lao động và tập thể trong mỗi năm học.

d) Việc xét thi đua phải căn cứ vào tiêu chuẩn, thành tích đạt được có minh chứng, sản phẩm cụ thể, thiết thực của tập thể và cá nhân.

e) Số lượng viên chức, người lao động được đề nghị xét công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, các hình thức khen thưởng cấp Bộ không quá 1/3 là cán bộ quản lý.

g) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, Bằng khen của Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các hạng: Tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng phải có số phiếu đồng ý đạt tỉ lệ 70% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng thi đua - Khen thưởng.

h) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước phải được các thành viên của Hội đồng bỏ phiếu kín và đạt từ 90% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng cấp đó (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

2. Nguyên tắc và căn cứ xét tặng hình thức khen thưởng

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích.

c) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn.

d) Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

đ) Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

e) Khi xét khen thưởng người đứng đầu đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó quản lý.

g) Việc xét khen thưởng phải căn cứ vào tiêu chuẩn, thành tích đạt được có minh chứng, sản phẩm cụ thể, thiết thực của tập thể và cá nhân.

h) Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

3. Viên chức, người lao động được điều động công tác đến đơn vị mới thì đơn vị mới có trách nhiệm bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Nếu thời gian công tác tại đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên, khi xét thi đua, khen thưởng phải có ý kiến nhận xét bằng văn bản của đơn vị trước khi chuyển đến.

4. Đối với các cá nhân sinh con thứ 3 trở lên trong năm học, không xét thi đua

và các hình thức khen thưởng. Tập thể và người đứng đầu đơn vị có người sinh con thứ 3 trở lên vẫn được xét tất cả các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định tại Điều 6 và Điều 15 Quy chế này.

5. Các thành tích được công nhận tương đương 01 sáng kiến cấp cơ sở

a) Chủ trì đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc thành viên đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp Bộ trở lên được nghiệm thu đúng tiến độ, được đánh giá "Đạt".

b) Là tác giả chính bài báo, bài viết khoa học được đăng trên các kỷ yếu hội thảo quốc gia hoặc quốc tế, tạp chí khoa học - công nghệ chuyên ngành trong danh mục tính điểm công trình khoa học (từ 0,75 điểm trở lên) của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước.

c) Tham gia biên soạn chương trình, tài liệu giáo dục mầm non; chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đã được nghiệm thu, được người có thẩm quyền xác nhận.

d) Là chủ biên (hoặc đồng chủ biên, hoặc tác giả) giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo được xuất bản.

đ) Tham gia soạn thảo đề án, dự án, quy chế, quy định, văn bản phục vụ công tác quản lý của đơn vị đã được ban hành theo quyết định phân công của người có thẩm quyền.

e) Hướng dẫn chính học sinh/nhóm học sinh tham gia cuộc thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp Bộ/Ngành đạt giải Ba trở lên.

Điều 4. Điều kiện xét thi đua, khen thưởng

1. Các đối tượng được xét các danh hiệu thi đua khi thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Tuyển dụng từ 10 tháng trở lên (tính đến thời điểm bình xét).

b) Không bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên (quyết định vẫn còn hiệu lực trong năm học).

2. Viên chức, người lao động được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng thực hiện như sau:

a) Đối với đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm (hình thức tập trung), chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến".

b) Đối với đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên (hình thức tập trung), chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

c) Đối với đào tạo sau đại học (không tập trung) phải hoàn thành kế hoạch học tập (có xác nhận của cơ sở đào tạo); không thuộc trường hợp bị buộc thôi học. Nếu bị chậm tiến độ học tập phải có công văn đồng ý cho gia hạn của Nhà trường và quyết định cho phép gia hạn của cơ sở đào tạo.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Hiệu trưởng có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể để tổ chức phát động, tổng kết và nhân rộng các phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể và cá nhân có thành tích

xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng.

2. Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị thường trực công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể tham mưu, đề xuất với Hiệu trưởng về công tác thi đua.

3. Hằng năm, các đơn vị phải tổ chức cho viên chức, người lao động đăng ký thi đua, sáng kiến, cải tiến... Việc tổng kết thi đua và nghiệm thu các sáng kiến, cải tiến của các tập thể, cá nhân thực hiện trước khi bình xét các danh hiệu thi đua.

4. Các cá nhân, tập thể lập thành tích xuất sắc đột xuất; gương người tốt, việc tốt tiêu biểu có thể được đề xuất khen thưởng đột xuất. Các đơn vị có trách nhiệm đề nghị khen thưởng kịp thời những cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất, những gương người tốt, việc tốt tiêu biểu.

5. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với các cấp chính quyền để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

b) Tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên tham gia phong trào thi đua.

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương II **DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN THI ĐUA**

Điều 6. Danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Đối với tập thể: Tập thể lao động tiên tiến; Tập thể lao động xuất sắc; Cờ thi đua cấp Bộ; Cờ thi đua của Chính phủ.

Điều 7. Tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ; tích cực tham gia phong trào thi đua.

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Viên chức, người lao động nữ nghỉ chế độ thai sản và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian nghỉ được tính để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

3. Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức khác (ngoài Trường) trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" do Nhà trường xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

Điều 8. Tiêu chuẩn danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".
- b) Đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- c) Có sáng kiến đề tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cấp có thẩm quyền công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được đánh giá "Đạt" hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền công nhận.

2. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và đơn vị do cá nhân quản lý phải đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" mới được xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở".

3. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" của đơn vị, nếu có số dư thì được làm tròn (theo nguyên tắc dư từ 0.5 trở lên tính là 1, dư dưới 0.5 tính là 0, đối với đơn vị có từ 03 người trở xuống được đề xuất 01 người). Bảo đảm trong tổng số người đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" không chiếm quá 1/3 là viên chức quản lý.

Điều 9. Tiêu chuẩn danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ" được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Có ba lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở".
- b) Có sáng kiến được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoặc đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ đã nghiệm thu được đánh giá "Đạt".

2. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hai lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ".
- b) Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc được cấp có thẩm quyền công nhận.

Điều 10. Tiêu chuẩn danh hiệu danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao.
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.
3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên (bao gồm kỷ luật Đảng, chính quyền, đoàn thể).
4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương và nội quy, quy chế của cơ quan.

Điều 11. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” xét tặng cho tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số những Tập thể lao động tiên tiến và đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, vượt chỉ tiêu, kế hoạch công việc Nhà trường giao, bảo đảm tiến độ chất lượng; nỗ lực vượt khó, đổi mới, sáng tạo mang lại hiệu quả, lợi ích chung cho Nhà trường.
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.
3. Có 100% cá nhân hoàn thành nhiệm vụ được giao và có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Điều 12. Tiêu chuẩn danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”

1. Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo được xét tặng hằng năm khi kết thúc năm học, năm công tác cho tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất, được bình xét dẫn đầu cụm thi đua, đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 của Luật thi đua, khen thưởng:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm.
- Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác học tập.
- Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Kết thúc năm học hoặc năm công tác, cụm thi đua bình xét, đánh giá, lựa chọn tập thể đơn vị thuộc, trực thuộc Trường có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, dẫn đầu cụm thi đua để đề nghị Bộ trưởng xét tặng Cờ thi đua.

Trường chia thành 02 cụm thi đua: Cụm số 1 (các đơn vị giảng dạy) và Cụm số 2 (các đơn vị phục vụ giảng dạy). Mỗi cụm thi đua lựa chọn 01 tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, dẫn đầu cụm để đề nghị Hội đồng Thi đua, khen thưởng Nhà trường xem xét đề nghị Bộ trưởng xét, tặng Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 13. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:
 - a) Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm học; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc.
 - b) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do

Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá, bình xét, suy tôn khi sơ kết, tổng kết từ 5 năm trở lên.

c) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Số lượng tập thể đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua cấp Bộ.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 14. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng thường xuyên là loại hình khen thưởng được tiến hành hằng năm cho các tập thể và cá nhân trong trường hợp đạt thành tích xuất sắc trong năm học.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua, chuyên đề hoặc một chương trình do cấp có thẩm quyền hoặc Nhà trường phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất trong công tác. Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.

Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thể giới ghi nhận.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình công tác đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường.

Điều 15. Các hình thức khen thưởng

a) Huân chương: “Huân chương Sao vàng”; “Huân chương Hồ Chí Minh”; “Huân chương Độc lập” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; “Huân chương Lao động” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; “Huân chương Dũng cảm”, “Huân chương Hữu nghị”.

b) Danh hiệu vinh dự Nhà nước: “Anh hùng Lao động”; “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”.

c) Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước.

d) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

đ) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”.

e) Giấy khen của Hiệu trưởng.

Điều 16. Tiêu chuẩn xét tặng Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân” và “Nhà giáo ưu tú”

1. Đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu “Nhà giáo nhân dân” và “Nhà giáo ưu tú” được thực hiện theo Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10/3/2015 của Chính phủ.

2. Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” được xét và công bố theo hướng dẫn của Vụ Thi đua khen thưởng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 17. Tiêu chuẩn xét tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

1. Đối với cá nhân

“Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Trung ương hoặc các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên.

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành.

c) Đã được tặng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Đối với tập thể

“Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Trung ương hoặc các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên.

b) Lập được thành tích đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

c) Đã được tặng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương hoặc có 2 lần được tặng bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

Điều 18. Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Đối với cá nhân

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng cho cá nhân có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, được bình xét trong thực hiện phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động.

b) Có 02 năm liên tục được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến cấp cơ sở được công nhận hoặc trong 05 năm trước khi nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chưa được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen.

c) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có nghĩa cử cao đẹp, hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch họa, dịch bệnh, đấu tranh với những hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, có tác dụng nêu gương và được đơn vị, địa phương ghi nhận, tôn vinh.

d) Có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện, khởi nghiệp; có sáng kiến, giải pháp trong nghiên cứu khoa học; vượt khó, vươn lên học giỏi; tham gia có hiệu quả các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện vì cộng đồng được cơ quan quản lý trực tiếp xác nhận.

đ) Có nhiều đóng góp, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho ngành Giáo dục, được cơ quan quản lý trực tiếp và đơn vị thụ hưởng xác nhận.

e) Có thời gian công tác từ 05 năm trở lên; có thành tích xuất sắc, đóng góp cho sự phát triển của đơn vị được ghi nhận nhân dịp kỷ niệm thành lập vào năm tròn.

2. Đối với tập thể

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc được bình xét trong thực hiện phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động.

b) Có 02 năm liên tục được cấp có thẩm quyền công nhận danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc".

c) Có thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có thành tích xuất sắc trong việc cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch họa, dịch bệnh ở đơn vị, địa phương.

d) Có nhiều đóng góp, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho ngành Giáo dục, được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và đơn vị thụ hưởng xác nhận.

đ) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển đơn vị, nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập vào năm tròn.

Điều 19. Tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục"

1. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục" (sau đây gọi tắt là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng một lần cho cá nhân có thời gian công tác trong ngành Giáo dục đủ 20 năm trở lên.

2. Trường hợp cá nhân đang công tác được cử đi học hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự, sau đó tiếp tục nhận công tác trong ngành Giáo dục thì thời gian đi học hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự được tính là thời gian công tác trong ngành Giáo dục để xét tặng Kỷ niệm chương.

3. Cá nhân có đủ thời gian công tác nhưng bị kỷ luật từ mức khiển trách đến dưới mức buộc thôi việc chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương sau 02 năm, tính từ thời

điểm hết thời hạn chịu kỷ luật; thời gian chịu kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

Điều 20. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen của Hiệu trưởng

1. Đối với cá nhân

a) Giấy khen của Hiệu trưởng tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt danh hiệu Lao động tiên tiến;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm học trở lên; có đóng góp quan trọng cho sự phát triển Nhà trường nhưng chưa đến mức tặng Bằng khen của Bộ trưởng.

b) Tỷ lệ cá nhân được Hiệu trưởng tặng giấy khen không vượt quá 30% số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến (không bao gồm giấy khen theo đợt, theo chuyên đề hoặc đột xuất). Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

2. Đối với tập thể

a) Giấy khen của Hiệu trưởng tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm học trở lên nhưng chưa đến mức tặng bằng khen.

b) Tỷ lệ tập thể được đề nghị tặng Giấy khen của Hiệu trưởng không quá 30% số tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến (không bao gồm giấy khen theo đợt, theo chuyên đề hoặc đột xuất). Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Chương IV

QUY TRÌNH, THỦ TỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ PHÂN CẤP TRONG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 21. Quy trình bình xét, lựa chọn

a) Thời gian tổ chức xét: Hằng năm, trước khi kết thúc học kỳ II của năm học 01 tháng, các đơn vị căn cứ vào đăng ký thi đua, nội dung và thành tích đạt được trong thi đua để bình xét, lựa chọn các tập thể và cá nhân tiêu biểu, đạt thành tích xuất sắc trong thi đua để xét, công nhận và đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền được phân cấp.

b) Quy trình xét duyệt

Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo luật định, gồm 3 bước:

Bước 1. Tại cơ sở

Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương: Tổ chức hội nghị toàn thể viên chức, người lao động của đơn vị để họp bình xét các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng. Thời gian họp theo thông báo của Nhà trường.

Bước 2. Tại cụm thi đua

Các cụm thi đua họp xét đề nghị Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua cấp Bộ,

Cờ thi đua Chính phủ, Bằng khen Bộ trưởng trình Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Nhà trường.

Bước 3. Tại Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Nhà trường

- Với hình thức thi đua, khen thưởng thường xuyên (theo năm học): Thời gian từ 25 - 30 tháng 6 hằng năm; hoàn thành hồ sơ trình Hội đồng cấp trên vào tuần thứ 3 của tháng 7 hằng năm. Trường hợp đặc biệt thực hiện theo thông báo của Nhà trường.

- Với hình thức thi đua theo chuyên đề hoặc theo đợt: Hợp xét duyệt theo triệu tập của Hiệu trưởng, thành phần Hội đồng gồm có: Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng và Ủy viên thường trực, kiêm thư ký Hội đồng.

Điều 22. Quy trình thực hiện đối với cá nhân và tập thể

1. Cá nhân tự đánh giá chất lượng công tác trong năm học và đề xuất danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Tập thể đơn vị tiến hành nhận xét. Đối với đơn vị có đông viên chức, người lao động có thể tiến hành theo tổ, khối chuyên môn.

2. Căn cứ theo tiêu chuẩn, đơn vị bỏ phiếu tín nhiệm với danh hiệu thi đua cá nhân, suy tôn danh hiệu thi đua của đơn vị và làm biên bản kết quả bỏ phiếu.

3. Lãnh đạo đơn vị: xem xét kết quả bỏ phiếu, thống nhất danh sách đề nghị khen thưởng của đơn vị; trường đơn vị làm văn bản đề nghị lên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Nhà trường; nếu có thay đổi danh sách khen thưởng của đơn vị so với kết quả bỏ phiếu, lãnh đạo đơn vị cần xem xét, cân nhắc và quyết định.

4. Trong quá trình xét chọn cần xem xét chặt chẽ về số lượng cá nhân (không xét vượt quy định); tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua phải tương ứng với mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan của mỗi đơn vị.

Điều 23. Thẩm quyền quyết định

1. Hiệu trưởng tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng sau: Tập thể Lao động tiên tiến, Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Giấy khen của Hiệu trưởng cho các cá nhân và tập thể.

2. Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT và văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương V **HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG**

Điều 24. Hội đồng Thi đua, khen thưởng

1. Thẩm quyền thành lập

Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng.

2. Thành phần Hội đồng

a) Chủ tịch hội đồng: Hiệu trưởng Nhà trường.

b) Phó chủ tịch hội đồng: 01 Phó chủ tịch là Phó Hiệu trưởng, 01 Phó chủ tịch là Chủ tịch Công đoàn Trường.

c) Ủy viên Hội đồng: Các Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy nếu Hiệu trưởng là Bí thư Đảng ủy Nhà trường, Bí thư Đoàn TNCSHCM, đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc, trực thuộc Nhà trường do Hiệu trưởng quyết định.

d) Ủy viên thường trực kiêm Thư ký Hội đồng: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và biểu quyết theo đa số (tỷ lệ theo Điều 3 Quy chế này). Trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng ngang nhau thì sẽ do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

b) Các cuộc họp của Hội đồng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng tham dự. Trường hợp vắng mặt, thành viên Hội đồng phải được Chủ tịch Hội đồng đồng ý và gửi lại phiếu bầu.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

a) Tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị triển khai các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác thi đua, khen thưởng; triển khai, phát động phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Tham mưu xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng của đơn vị; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn, báo cáo cấp có thẩm quyền.

c) Tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC TIỀN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI; BIÊN CHẾ LÀM CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 25. Nguồn và mức trích lập quỹ thi đua, khen thưởng

Nguồn và mức trích lập quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo Quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 26. Sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

Sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định Quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

1. Nội dung chi cho công tác thi đua, khen thưởng

a) Chi in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương, cờ thi đua, hộp, khung).

b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm cho các cá nhân và tập thể.

c) Chi công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua: Mức trích không quá 20%

tổng lập quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho các nhiệm vụ sau:

- Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng thi đua, khen thưởng;
- Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng;
- Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua.

2. Mức chi

a) Chi tiền thưởng: Thực hiện theo quy định tại Điều 68, 69, 70 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Chi cho in ấn Giấy khen; khung Bằng khen, Giấy khen.

Điều 27. Trách nhiệm và nguyên tắc chi thưởng

1. Trách nhiệm chi thưởng

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Hiệu trưởng Nhà trường quyết định.

2. Nguyên tắc chi thưởng

- a) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn.
- b) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân.
- c) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.
- d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.
- đ) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Chương VII

QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN; HÀNH VI VI PHẠM, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 28. Quyền lợi, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Quyền lợi

- Cá nhân, tập thể được khen thưởng, tùy từng hình thức khen thưởng, được tặng hiện vật khen thưởng và được hưởng lợi ích khác theo quy định của pháp luật.
- Cá nhân được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng hiện vật khen thưởng.

- Tập thể được tặng các hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày, được sử dụng biểu tượng của các hình thức khen thưởng đó trên các văn bản, tài liệu chính thức của tập thể.

2. Nghĩa vụ

- Cá nhân, tập thể được khen thưởng có nghĩa vụ bảo quản các hiện vật khen thưởng, không được cho người khác mượn để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.

- Mọi góp ý phải đúng sự thật và mang tính xây dựng. Không góp ý mang tính xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tập thể có trách nhiệm xét tặng và cá nhân, tập thể dự kiến xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc đã được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

- Từ chối nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích, không đúng tiêu chuẩn và thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 29. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng

1. Hành vi vi phạm

Các hành vi quy định tại Điều 14 Luật thi đua khen thưởng.

a) Người nào gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã nhận; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà còn bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác đề nghị khen thưởng; người lợi dụng chức vụ quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

c) Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu vinh dự Nhà nước mà vi phạm pháp luật thì có thể bị tước danh hiệu vinh dự Nhà nước đó theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

d) Việc tước danh hiệu vinh dự Nhà nước do Chủ tịch nước quyết định.

2. Xử lý vi phạm

Theo quy định tại Điều 14 Luật thi đua khen thưởng.

Điều 30. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng

a) Cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

b) Tổ chức có quyền khiếu nại về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường trong việc thực hiện Quy chế; đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của Nhà trường.

2. Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những vướng mắc, phát sinh, cần điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế, các đơn vị, cá nhân phản ánh với Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng để báo cáo Hội đồng xem xét, quyết định. ✓